

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2021/HS-ST

Ngày: 16-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thảo;
2. Ông LêQ Xet.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2021 về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Lê Q, sinh năm 1997 tại tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; nơi thường trú: Tổ 4, khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 12/12; con ông Trần Văn C, sinh năm 1969 (đã chết) và bà Lê Thị Bạch T1, sinh năm 1977; chưa vợ, con.

Tiền sự: Bị áp dụng biện pháp xử lý hành C đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 (*Mười bốn*) tháng theo Quyết định số 05/QĐ-TA ngày 21/01/2019 của TAND thị xã TU, tỉnh Bình Dương (*được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành C còn lại theo Quyết định số 315/2019/QĐ-TA ngày 27/12/2019 của TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương*). Tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2020 cho đến nay; có mặt.

2. Lê Quốc Đ (tên gọi khác: Nghĩa), sinh năm 1998 tại tỉnh Sóc Trăng; giới tính: Nam; nơi thường trú: Ấp 7, xã B, huyện S, tỉnh Sóc Trăng; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 10/12; con ông Lê Văn T3, sinh năm 1975 và bà Huỳnh Kim L1, sinh năm 1978; chưa, vợ, con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2020 cho đến nay; có mặt.

3. Lê Trần Minh N, sinh năm 2000 tại tỉnh Bình Dương; giới tính: Nam; nơi thường trú: Khu phố Phước Thái, phường H, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 9/12; con ông Lê Văn L, sinh năm 1976 và bà Trần Thị Thu T3, sinh năm 1976; chưa, vợ, con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2020 cho đến nay; có mặt.

4. Chung Văn N, sinh năm 1996 tại tỉnh Hậu Giang; giới tính: Nam; nơi thường trú: Ấp E, xã YA, huyện U, tỉnh Hậu Giang; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 8/12; con ông Chung Văn H1, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975; chưa, vợ, con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2020 cho đến nay; có mặt.

5. Lê Chí V, sinh ngày 19/11/2002 tại tỉnh Sóc Trăng; giới tính: Nam; nơi thường trú: Ấp Tr, xã A1, huyện D, tỉnh Sóc Trăng; dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 6/12; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1970 và bà Huỳnh Kim T2, sinh năm 1974; chưa, vợ, con; tiền sự, tiền án: Không. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/10/2020 cho đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Chí V:* Ông Đỗ Thanh V1 - Trợ giúp viên của Trung T3 Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn H, vắng mặt.
2. Ông Trần Ngọc Th, vắng mặt.
3. Ông Nguyễn Hoàng T, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Lê Q Đ, Lê Chí V và Chung Văn N là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy; loại ma túy mà các bị cáo Đ, V và N thường sử dụng là ma túy đá (Methamphetamine). Bị cáo Đ thường mua ma túy của bị cáo Trần Lê Q về sử dụng và bán lại cho các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy khác.

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 07/10/2020, các bị cáo Chung Văn N và Lê Chí V đến phòng trọ số 05 do bị cáo Đ đang thuê tại Tổ 3, khu phố F, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương để rủ bị cáo Đ cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, do bị cáo Đ không còn ma túy nên bàn bạc về việc góp tiền mua ma túy về sử dụng chung, trong đó bị cáo N góp 200.000 đồng, bị cáo V góp 200.000 đồng, bị cáo Đ góp 300.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo V và N không có tiền nên nhờ bị cáo Đ ứng trước, sau này trả lại thì bị cáo Đ đồng ý và mang chiếc điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng của mình đi cầm cố được 500.000 đồng. Sau đó bị cáo Đ đến nhà của bị cáo Trần Lê Q tại khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương hỏi mua 700.000 đồng ma túy đá nhưng chỉ đưa 500.000 đồng và nợ 200.000 đồng thì bị cáo Q đồng ý và đưa cho Đ 02 gói nylon hàn kín bên trong có chứa ma túy đá. Sau khi nhận được ma túy, bị cáo Đ cầm 02 gói ma túy đi về phòng trọ và mang 02 gói ma túy mua được cho các bị cáo V và N

xem rồi mang cất dấu. Khoảng 15 phút sau, ông Nguyễn Văn H đến phòng trọ ngồi chơi.

Đến khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày, lực lượng công an phường V đến kiểm tra, phát hiện trong phòng số 5 của bị cáo Đ có một bộ dụng cụ sử dụng ma túy nên tra hỏi thì Đ lấy hai gói ma túy đá trong túi xách màu đen bên ngoài có hai họa tiết màu vàng giao nộp. Công an phường V lập biên bản niêm phong ma túy và đưa các bị cáo Đ, V, N và ông H về trụ sở làm việc. Các bị cáo và ông Nguyễn Văn H khai nhận số ma túy bị thu giữ là của các bị cáo Đ, V và N góp tiền mua của bị cáo Q về cất dấu, nhằm mục đích để sử dụng.

Trên cơ sở lời khai của bị cáo Đ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU phối hợp với Công an phường P tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của bị cáo Trần Lê Q tại Tổ 4, khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương phát hiện thu giữ 01 (Một) gói nylon hàn kín chứa chất tinh thể màu trắng được bị cáo Q dán bên trong miếng giấy dán tường màu xanh trên tường nhà. Lực lượng công an niêm phong vật chứng và đưa các bị cáo Trần Lê Q và Lê Trần Minh N về Công an phường V làm việc.

Sau khi lập hồ sơ ban đầu, Công an phường V bàn giao các bị cáo Đ, Q, V, N và N cùng hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 636/MT-PC09 ngày 13/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Tinh thể màu trắng (thu giữ của bị cáo Đ) gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,9624 gam, loại Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 638/MT-PC09 ngày 15/10/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Tinh thể màu trắng (thu giữ của bị cáo Q) gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 1,0550 gam, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 26/CT-VKS.TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Trần Lê Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Trần Minh N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Lê Q Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Chung Văn N và Lê Chí V về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh:

+ Tuyên bố các bị cáo Trần Lê Q và Lê Trần Minh N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Tuyên bố bị cáo Lê Q Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Tuyên bố các các bị cáo Chung Văn N và Lê Chí V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt:

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Lê Q từ 09 (Chín) năm đến 10 (Mười) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Q Đ từ 08 (Tám) năm đến 09 (Chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đ phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Trần Minh N từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38 và 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Chung Văn N từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

+ Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 17, 38, 58 và 101 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Chí V từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại Oppo màu hồng.

+ Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng gồm:

- 01 bì thư ký hiệu 636/PC09, bên trong có chứa 1,9624gam ma túy, loại Methamphetamine, trên bì thư có chữ ký của các bị cáo Lê Q Đ, Chung Văn N và Lê Chí V, cán bộ niêm phong Đào Thiện H1 và hình dấu mộc đỏ của Công an phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- 01 bì thư ký hiệu 638/PC09, bên trong có chứa 1,0550gam ma túy, loại Methamphetamine, trên bì thư có chữ ký của các bị cáo Trần Lê Q và Lê Trần Minh N, cán bộ niêm phong Bùi Thanh Giàu và hình dấu mộc đỏ của Công an phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- 01 (Một) túi xách màu đen có hoạ tiết bên ngoài màu vàng;

- 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá;

+ Trả cho bị cáo Lê Trần Minh N 01 (Một) điện thoại Sam sung màu hồng.

+ Buộc bị cáo Trần Lê Q phải nộp số tiền thu lợi bất C là 200.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

+ Buộc bị cáo Lê Q Đ phải nộp số tiền thu lợi bất C là 400.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo Trần Lê Q trình bày: Bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2016. Bị cáo thường mua ma túy của một đối tượng không quen biết tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh về sử dụng. Ngoài ra, bị cáo có bán ma túy cho bị cáo Lê Q Đ 04 lần vào các ngày 26/9/2020, ngày 03/10/2020, hồi 08

giờ ngày 07/10/2020 và 17 giờ ngày 07/10/2020. Trong đó 03 lần bị cáo trực tiếp giao ma túy cho bị cáo Đ, 01 lần vào hồi 17 giờ ngày 03/10/2020 nhờ bị cáo Đ giao ma túy cho bị cáo Đ. Bị cáo thu lợi bất C số tiền 200.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Trần Minh N trình bày: Bị cáo N sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2019. Khoảng 17 giờ ngày 03/10/2020, bị cáo N đến phòng trọ của bị cáo Q tại khu phố K, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương để sử dụng ma túy đá cùng với bị cáo Q. Sau khi sử dụng xong ma túy, bị cáo N nằm tại phòng của bị cáo Q. Khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo Q có nhờ bị cáo mang 01 vỏ gói thuốc lá hiệu Jet bên trong có chứa ma túy đi ra cổng giao cho bị cáo Đ và lấy số tiền 600.000 đồng về giao cho bị cáo Q. Bị cáo không thu lợi bất C số tiền nào nhưng được bị cáo Q cho sử dụng ma túy chung.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Quốc Đ trình bày: Bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy từ năm 2018. Bị cáo có 04 lần mua ma túy của bị cáo Trần Lê Q về sử dụng. Ngoài ra, bị cáo có bán cho ông Trần Ngọc Th 02 lần, ông Nguyễn Văn H 02 lần và ông Nguyễn Hoàng T 02 lần. Bị cáo thu lợi bất C số tiền 400.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Chung Văn N trình bày: Bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy từ đầu năm 2020. Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 07/10/2020 bị cáo đến phòng trọ của bị cáo Đ đang thuê tại Tổ 3, khu phố F, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương để rủ bị cáo Đ cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Khi đến thì bị cáo có gặp bị cáo Lê Chí V cũng đang có mặt tại đó. Do bị cáo Đ không còn ma túy nên cả ba bàn bạc về việc góp tiền mua ma túy về sử dụng chung, trong đó bị cáo N góp 200.000 đồng, bị cáo V góp 200.000 đồng, bị cáo Đ góp 300.000 đồng. Tuy nhiên, các bị cáo V và N không có tiền nên nhờ bị cáo Đ ứng trước, sau này trả lại thì bị cáo Đ đồng ý và mang chiếc điện thoại di động đi cầm cố lấy tiền mua ma túy. Sau khi bị cáo Đ mua được 02 gói ma túy về nhưng chưa kịp sử dụng thì có ông Nguyễn Văn H đến nên bị cáo Đ mang ma túy cất giấu. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Công an khám xét và bắt giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Chí V trình bày: Bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy từ đầu năm 2020. Bị cáo thường góp tiền với bị cáo Đ để mua ma túy về sử dụng chung. Tuy nhiên, có một số lần bị cáo không có tiền trả bị cáo Đ nên nhận giặt quần áo và dọn nhà cho bị cáo Đ. Khoảng 16 giờ 40 phút ngày 07/10/2020 bị cáo đến phòng trọ của bị cáo Đ đang thuê tại Tổ 3, khu phố F, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương để rủ bị cáo Đ cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Sau đó bị cáo Chung Văn N cũng đến phòng trọ của bị cáo Đ. Do bị cáo Đ không còn ma túy nên cả ba bàn bạc về việc góp tiền mua ma túy về sử dụng chung, trong đó bị cáo góp 200.000 đồng, bị cáo N góp 200.000 đồng, bị cáo Đ góp 300.000 đồng. Tuy nhiên, do bị cáo và bị cáo N không có tiền nên nhờ bị cáo Đ ứng trước, sau này trả lại thì bị cáo Đ đồng ý và mang chiếc điện thoại di động đi cầm cố lấy tiền mua ma túy. Sau khi bị cáo Đ mua được 02 gói ma túy về nhưng chưa kịp sử dụng thì có ông Nguyễn Văn H đến nên bị cáo Đ mang ma túy cất giấu. Khoảng 18 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Công an khám xét và bắt giữ.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Lê Chí V trình bày: Thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và tình tiết giảm nhẹ. Tuy nhiên, bị cáo V phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, còn do bị cáo Đ rủ

rê cùng sử dụng ma túy. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của địa diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo trình bày: Các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của địa diện Viện kiểm sát.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trên địa bàn thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với các bị cáo là đúng thẩm quyền. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tình tiết định tội và định khung hình phạt: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 08/10/2020 của Công an phường V và Công an phường P, thị xã TU; kết quả giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 07/10/2020, tại khu phố F, phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Lê Q Đ, Chung Văn N và Lê Chí V đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 1,9624 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích để sử dụng.

Ngoài ra, bị cáo Lê Q Đ đã sáu lần thực hiện hành vi bán ma túy, loại Methamphetamine cho các ông Nguyễn Hoàng T, Nguyễn Văn H và Trần Ngọc Th, thu lợi bất C số tiền 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*).

Bị cáo Trần Lê Q đã bốn lần thực hiện hành vi bán ma túy, loại Methamphetamine cho bị cáo Lê Q Đ, thu lợi bất C số tiền 200.000 đồng.

Bị cáo Lê Trần Minh N một lần thực hiện hành vi giúp sức cho bị cáo Trần Lê Q bán ma túy cho bị cáo Lê Q Đ vào ngày 03/10/2020.

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo Trần Lê Q, Lê Quốc Đ, Lê Trần Minh N và Chung Văn N đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi do mình thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Lê Chí V chưa đủ 18 tuổi nhưng đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi do mình thực hiện là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý thực hiện.

Hành vi của bị cáo Trần Lê Q đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Lê Quốc Đ đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Lê Trần Minh N đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Chung Văn N đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Lê Chí V đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249; các điều 90, 91 và 101 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 26/CT-VKS.TU ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, trong đó bị cáo Trần Lê Q và Lê Quốc Đ phạm tội với vai trò đề xuất và thực hành tích cực, bị cáo Lê Trần Minh N phạm tội với vai trò giúp sức cho bị cáo Trần Lê Q, các bị cáo Chung Văn N và Lê Chí V phạm tội với vai trò thực hành.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, đối với bị cáo Trần Lê Q đã bị xử lý hành C đưa vào cơ sở cai nghiện tập trung nhưng sau đó lại tiếp tục sử dụng trái phép chất ma túy và thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy là thể hiện có nhân thân xấu và chưa quyết T3 tự cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt:

Xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy ý kiến của người bào chữa có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với các vật chứng gồm: 01 bì thư ký hiệu 636/PC09, bên trong có chứa 1,9624gam ma túy, loại Methamphetamine, trên bì thư có chữ ký của các bị cáo Lê Q Đ, Chung Văn N và Lê Chí V, cán bộ niêm phong Đào Thiện Hải và hình dấu mộc đỏ của Công an phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; 01 bì thư ký hiệu 638/PC09, bên trong có chứa 1,0550gam ma túy, loại Methamphetamine, trên bì thư có chữ ký của các bị cáo Trần Lê Q và Lê Trần Minh N, cán bộ niêm phong Bùi Thanh Giàu và hình dấu mộc đỏ của Công an phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương và 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá là vật chứng không được phép sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 (Một) túi xách màu đen có hoạ tiết bên ngoài màu vàng thu giữ của bị cáo Đ là phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với các vật chứng gồm: 01 (Một) điện thoại Oppo màu hồng là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lê Quốc Đ còn giá trị sử dụng nhưng được sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với vật chứng là 01 (Một) điện thoại Sam sung màu hồng là tài sản thuộc quyền sở hữu của bị cáo Lê Trần Minh N nhưng không sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội nên trả lại cho bị cáo N.

- Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo Q thu lợi từ việc bán ma túy và số tiền 400.000 đồng bị cáo Đ thu lợi từ việc bán ma túy là thu lợi bất C nên cần buộc các bị cáo phải nộp vào ngân sách nhà nước.

[8] Về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: Xét thấy cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với các bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Đối với các ông Nguyễn Văn H, Nguyễn Hoàng T và Trần Ngọc Th có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và đã bị xử phạt hành C, Hội đồng xét xử thấy phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 299, 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Khoản 1 Điều 249; khoản 1 và khoản 2 Điều 251; các điều 17, 38, 46, 47 và 58 của Bộ luật hình sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Trần Lê Q và Lê Trần Minh N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Lê Quốc Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; các bị cáo Chung Văn N và Lê Chí V phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; các điều 17 và 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Lê Q 09 (Chín) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2020.

+ Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm c khoản 1 Điều 249; các điều 17 và 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Q Đ 08 (Tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 (Hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào Điều 55 của Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Lê Q Đ phải chấp hành hình phạt chung là 10 (Mười) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2020.

+ Căn cứ vào khoản 1 Điều 251; các điều 17 và 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Trần Minh N 02 (Hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2020.

+ Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; các điều 17 và 38; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Chung Văn N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2020.

+ Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; các điều 17 và 38; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 58, 90, 91 và Điều 101 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Chí V 01 (Một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/10/2020.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với các bị cáo cho đến khi có quyết định thi hành án để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm:

+ 01 bì thư ký hiệu 636/PC09, bên trong có chứa 1,9624gam ma túy, loại Methamphetamine, trên bì thư có chữ ký của các bị cáo Lê Q Đ, Chung Văn N và Lê Chí V, cán bộ niêm phong Đào Thiện H1 và hình dấu mộc đỏ của Công an phường V, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

+ 01 bì thư ký hiệu 638/PC09, bên trong có chứa 1,0550gam ma túy, loại Methamphetamine, trên bì thư có chữ ký của các bị cáo Trần Lê Q và Lê Trần Minh N, cán bộ niêm phong Bùi Thanh Giàu và hình dấu mộc đỏ của Công an phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

+ 01 (Một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá.

+ 01 (Một) túi xách màu đen có họa tiết bên ngoài màu vàng;

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại Oppo màu hồng.

- Trả cho bị cáo Lê Trần Minh N 01 (Một) điện thoại Sam sung màu hồng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/3/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU).

- Buộc bị cáo Trần Lê Q phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Lê Quốc Đ phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Lê Q, Lê Quốc Đ, Lê Trần Minh N, Chung Văn N và Lê Chí V mỗi bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã TU;
- Công an thị xã TU;
- Chi cục THADS thị xã TU;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Đã ký

Đào Văn Hưng